

Số: /2025/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ thực hiện công tác
bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số
85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu
Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;*

*Xét Tờ trình số 331/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh An Giang về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được
hưởng hỗ trợ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo
cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian
được hưởng hỗ trợ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại
biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh An Giang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ thực
hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân

các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử các cấp; Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; Tổ bầu cử.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Chi tổ chức hội nghị, tập huấn

1. Chi tổ chức hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

1. Cấp tỉnh: Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- a) Chủ trì cuộc họp: 350.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.
- c) Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.

2. Cấp xã: Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, các Tổ bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

- a) Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.
- c) Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 4. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

1. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử,

Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp xã.

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Trưởng đoàn giám sát: 250.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:
- + Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.
- + Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp xã:

- Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.
- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:
- + Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 75.000 đồng/người/buổi.
- + Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 75.000 đồng/người/buổi.

2. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã 1.000.000 đồng/báo cáo.

3. Chi công tác chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: Cấp tỉnh 300.000 đồng/báo cáo; cấp xã 160.000 đồng/báo cáo.

Điều 5. Chi xây dựng văn bản

1. Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Chi xây dựng các văn bản ngoài quy định tại Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND liên quan đến công tác bầu cử, do Ủy ban bầu cử các cấp ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết...).

Xây dựng văn bản: Cấp tỉnh 500.000 đồng/văn bản; cấp xã 300.000 đồng/văn

bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý). Riêng báo cáo tổng kết: Cấp tỉnh 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã 1.000.000 đồng/báo cáo.

Điều 6. Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

1. Chi bồi dưỡng cho những người tham gia thường xuyên phục vụ cho công tác bầu cử theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

a) Cấp tỉnh

- Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân: 2.700.000 đồng/người/tháng.

- Ủy viên của Ban Chỉ đạo; Ủy viên của Ủy ban bầu cử; Ủy viên Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Ủy viên Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 2.430.000 đồng/người/tháng.

- Tổ giúp việc do Ủy ban bầu cử thành lập: 2.025.000 đồng/người/tháng.

b) Cấp xã

- Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 1.620.000 đồng/người/tháng.

- Ủy viên Ban Chỉ đạo bầu cử; Ủy viên của Ủy ban bầu cử; thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; thành viên của Tổ giúp việc do Ủy ban bầu cử thành lập: 1.080.000 đồng/người/tháng.

2. Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ cho công tác bầu cử, thời gian chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử; ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử); Trường hợp huy động, trung tập trực tiếp phục vụ cho công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa 3.000.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và trong ngày bầu cử) chi bồi dưỡng 300.000 đồng/người/ngày.

Điều 7. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động

Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử: Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử: 300.000 đồng/người/tháng.

Điều 8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

1. Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: Cấp tỉnh 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã 60.000 đồng/người/buổi.
2. Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân ở các cấp: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 9. Chi các nội dung chi khác phục vụ công tác bầu cử

1. Trường hợp hòm phiếu, con dấu, bảng niêm yết cũ không thể sử dụng hoặc cần bổ sung, mức chi tối đa như sau:

- a) Chi đóng hòm phiếu: 500.000 đồng/hòm phiếu.
- b) Chi khắc dấu: 400.000 đồng/dấu (chưa bao gồm phí, lệ phí).
- c) Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: 1.500.000 đồng/bảng.

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo chứng từ, hóa đơn thực tế.

2. Chi xây dựng, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh: Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Chi in ấn, vận chuyển (phiếu bầu, thẻ cử tri, các tài liệu, biểu mẫu, ấn chỉ, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử,...) có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về dấu thâu.

4. Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành.

5. Chi văn phòng phẩm; trang trí phòng bỏ phiếu tại tổ bầu cử; chi công tác đảm bảo an ninh trật tự; chi công tác tuyên truyền; chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú, tiếp xúc cử tri... thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Các nội dung chi khác không quy định cụ thể nêu trên thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 11 năm 2025.
2. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử; hưởng hỗ trợ cước phí điện thoại tại Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết này được tính từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến khi các tổ chức bầu cử kết thúc nhiệm vụ.
3. Một cá nhân được cơ cấu nhiều chức danh trong các tổ chức bầu cử thì chỉ

được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, quyết định cử người của cấp có thẩm quyền.

4. Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND quy định một số mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị quyết số 567/2021/NQ-HĐND quy định một số mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản được thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khoá X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XX;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, ntahuy.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhàn